

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
TRẺ 4 - 5 TUỔI - NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo kế hoạch số 212 ngày 6 tháng 9 năm 2024)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện
1	<b>Trường mầm non thị trấn Diễn châu - Bé vui đón Tết Trung thu (4 tuần)</b>	Trường Mầm non Thị Trấn thân yêu	1 tuần	9/9 - 13/9/2024
		Bé vui đón Tết Trung thu	1 tuần	16/9 - 20/9/2024
		Lớp học của bé	1 tuần	23/9 - 27/9/2024
		Bé và Các hoạt động trong trường mầm non	1 tuần	29/9 - 04/10/2024
2	<b>Bản thân – Vui ngày hội 20/10 (3 tuần)</b>	Bé tự giới thiệu về mình	1 tuần	07 - 11/10/2024
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh – Vui ngày hội 20/10	1 tuần	14 - 18/10/2024
		Cơ thể bé và bạn	1 tuần	21- 25/10/2024
3	<b>Gia đình Của bé Ngày hội của cô giáo 20-11 (5 tuần)</b>	Những người thân trong gia đình bé	1 tuần	28/10 - 01/11/2024
		Ngôi nhà thân yêu của bé	1 tuần	04/11 - 08/11/2024
		Đồ dùng trong gia đình	1 tuần	11 - 15/11/2024
		Ngày hội của cô giáo	1 tuần	18 - 22/11/2024
		Nhu cầu của Gia đình	1 tuần	25/11- 29/11/2024
4	<b>Những nghề bé thích - Vui ngày tết chú bộ đội (4 tuần)</b>	Bé yêu bác nông dân	1 tuần	02- 06/12/2024
		Bé yêu cô chú công nhân	1 tuần	09 - 13/12/2024
		Vui ngày tết chú bộ đội 22/12	1 tuần	16 - 20/12/2024
		Bé tập làm bác sỹ	1 tuần	23 - 27/12/2024
5	<b>Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân ( 5 tuần )</b>	Bé yêu cây xanh	1 tuần	30/12 - 03/01/2025
		Những bông hoa đẹp	1 tuần	06/1 – 10/01/2025

		Tết nguyên đán và mùa xuân tươi đẹp	1 tuần	13/01-17/01/2025
		Một số loại quả	1 tuần	20/1 - 25/01/2025
		Nghỉ tết và một số hoạt động sau tết		27/1-7/2/2025
		Một số loại rau	1 tuần	10/02 - 14/02/2025
<b>6</b>	<b>Phương tiện và quy định giao thông – Bé vui hội 8/3 (4 tuần)</b>	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1 tuần	17/02 - 21/02/2025
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	1 tuần	24/02 - 28/02/2025
		Bé vui ngày hội 8/3	1 tuần	03/03 - 07/03/2025
		Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không	1 tuần	10/03-14/03/2025
<b>7</b>	<b>Thế giới động vật (4 tuần)</b> -	Một số động vật sống trong gia đình	1 tuần	17/03-21/03/2025
		Một số động vật sống dưới nước	1 tuần	24/03 - 28/03/2025
		Một số động vật sống trong rừng	1 tuần	31/3 – 4/4/2025
		Một số loại chim và côn trùng	1 tuần	07/04 - 11/04/2025
<b>8</b>	<b>Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)</b>	Bé biết gì về nước	1 tuần	14/4 - 18/4/2025
		Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần	21/4 - 25/4/2025
		Bé với mùa hè	1 tuần	28/4 – 02/05/2025
<b>9</b>	<b>Quê hương – Đất nước - Bác Hồ kính yêu (3 tuần)</b>	Quê hương Diễm châu thân yêu	1 tuần	05/05 – 09/05/2025
		Bác Hồ kính yêu	1 tuần	12/05 - 16/5/2025
		Thủ đô Hà Nội yêu dấu	1 tuần	19 - 23/5/2025
	<b>Tổng</b>		<b>35 tuần</b>	

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ**  
**ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI**  
**NĂM HỌC 2024-2025**

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
<p><b>1. Tổ chức bữa ăn</b></p>	<p><b>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ.</li> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ</li> <li>- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal.</li> <li>- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.</li> <li>- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần.</li> <li>+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần.</li> <li>+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần.</li> </ul> </li> <li>- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng;</li> <li>- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn.</li> <li>- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Đảm bảo thực đơn của trẻ không trùng lặp lại trong 2 tuần.</li> <li>- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày(kể cả nước trong thức ăn).</li> <li>- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong</li> </ul>	<p>Cán bộ quản lý, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh</p>	

ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông sử dụng bình ủ nước để ủ nước ấm cho trẻ uống.

### **b. Chăm sóc bữa ăn**

#### *\* Trước khi ăn:*

- Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...
- Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; Tổ chức cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt trước khi ăn.
- Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu.

#### *\* Trong khi ăn:*

- Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho trẻ
  - Sau khi chia xong, thức ăn chuyên cho trẻ ăn phải có nhiệt độ phù hợp, không được quá nóng sẽ gây bỏng trẻ. Vào mùa đông, cần đảm bảo giữ nhiệt độ thức ăn còn ấm cho đến thời điểm trẻ ăn.
  - Trẻ xếp hàng nhận cơm, sau đó đi về chỗ ngồi đã được phân công để ăn.
  - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.
  - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.
  - Cô theo dõi hướng dẫn trẻ ăn chậm, nhai kỹ, động viên trẻ ăn hết suất và tiếp thêm cơm, thức ăn nếu trẻ có nhu cầu.
  - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. Trẻ biếng ăn nên xếp ngồi gần trẻ ăn giỏi để thi đua.
  - Kết hợp giáo dục dinh dưỡng trước và trong khi trẻ ăn.
  - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.
- Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ

#### *\* Sau khi ăn:*

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh, đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.</li> <li>- Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung.</li> <li>- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.</li> </ul>		
<p><b>2. Tổ chức giấc ngủ</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).</li> <li><b>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</b></li> <li>- Kiểm tra xem trẻ đã vệ sinh răng miệng, uống nước chưa, có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen đánh răng, uống nước trước khi đi ngủ.</li> <li>- Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, trải sạp ngủ, lẩy chăn gối.</li> <li>- Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).</li> <li>- Sau bữa ăn khoảng 30 phút cô có thể tổ chức cho trẻ ngủ.</li> <li><b>* Trong khi ngủ</b></li> <li>- Nhắc trẻ nằm ngay ngắn khi ngủ. Giáo viên có thể mở nhạc hát ru cho trẻ dễ đi vào giấc ngủ, giúp trẻ ngủ ngon hơn.</li> <li>- Tôn trọng tư thế ngủ của trẻ. Không được kéo chăn trùm kín đầu, không để trẻ nằm sấp, úp mặt vào gối.</li> <li>- Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ.</li> <li>- Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác</li> <li><b>* Sau khi thức dậy</b></li> <li>- Để trẻ tự thức giấc, không đánh thức đồng loạt.</li> <li>- Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.</li> <li>- Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyên tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chủ nhiệm</li> <li>- NV nấu ăn</li> </ul>	

	mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
<b>3. Tổ chức vệ sinh</b>	<p><b>a. Vệ sinh cô:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ</li> <li>- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm</li> </ul> <p><b>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.</li> <li>- Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh và vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng).</li> <li>- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.</li> <li>- Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết).</li> <li>- Trong trường hợp trẻ lỡ bày bừa giáo viên phải tắm, rửa cho trẻ sạch sẽ. Đặc biệt mùa đông khi tắm, rửa cho trẻ phải sử dụng nước ấm.</li> <li>- Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng, pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng.</li> <li>- Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.</li> </ul> <p><b>c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp</b></p> <p>* <i>Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất tránh đồ dùng chất đống, luộm thuộm trong</li> </ul>	Giáo viên và nhân viên. Học sinh- phụ huynh	

	<p>kho.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;</li> <li>- Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.</li> <li>- Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.</li> <li>+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo.</li> <li>+ Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn.</li> <li>+ Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân.</li> <li>+ Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ.</li> <li>+ Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt.</li> <li>+ Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng.</li> <li>+ Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh).</li> <li>+ Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ</li> </ul> <p><i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.</li> <li>- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.</li> <li>- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.</li> </ul>		
<p><b>4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn</b></p>	<p><i>a. Chăm sóc sức khỏe</i></p> <p><i>* Khám sức khỏe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.</li> <li>- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần;</li> </ul> <p>Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ quản lý</li> <li>- Giáo viên chủ nhiệm</li> <li>- Nhân viên y tế,</li> <li>- Trạm y tế xã,</li> </ul>	

<p>cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe</p> <p><i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao</li> <li>- Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng/1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024);</li> <li>- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ.</li> </ul> <p><b>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.</li> <li>- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Đặc biệt là dịch bệnh covid19. Chú ý khi nhiều trẻ trong nhà trường bị mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.</li> </ul> <p><b>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đờ hỏ hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy.</li> <li>- Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%)</li> <li>+ Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em</li> <li>+ Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.</li> <li>+ Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.</li> </ul> </li> </ul> <p>Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.</p> <p>Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.</p> <p>Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.</p> <p><b>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn</b></p>	<p>- Phụ huynh</p>	
--	--------------------	--



	<p><b>thường gặp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch Covid- 19</li> <li>- Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ.</li> <li>- Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.</li> </ul>		
<p><b>5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ.</li> <li>- Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự phát triển về thể chất</li> <li>+ Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp</li> <li>+ Khả năng nhận thức</li> <li>+ Quan hệ xã hội</li> <li>+ Môi trường phát triển của trẻ</li> </ul> </li> <li>- Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.</li> </ul>	<p>CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng</p>	

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 4-5 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
<b>1. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất</b>	
<b>a. GD dinh dưỡng- sức khỏe</b>	
1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,4 – 23,5 kg. + Trẻ gái: 13,8 – 23,2 kg. - Chiều cao (cm) : + Trẻ trai: 100,7 – 119,1 cm. + Trẻ gái: 99,5 – 117,2 cm	+ Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển trẻ theo độ tuổi + Kiểm tra sức khỏe đầu năm cho trẻ và khám chuyên khoa 1 lần /năm + Cân đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng và phát triển( đối trẻ bình thường 3 tháng/ lần, đối trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi 1lần/tháng. + Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển
2. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm ( trên tháp dinh dưỡng), một số thực phẩm cùng nhóm ( Thịt, cá, trứng... có nhiều đạm, rau quả chín có nhiều vitamin ....)
3. Trẻ biết một số món ăn hằng ngày và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.	- Một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Trứng rán, cá kho, thịt kho, tôm rim, rau có thể luộc, nấu canh.....gạo nấu cơm, nấu cháo - Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh thông minh, biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật( ỉa chảy, sưa rang, suy dinh dưỡng, béo phì...)
4. Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống	* <b>Thói quen ăn uống:</b> - Mời các cô các bạn khi ăn - Trong khi ăn nhai kỹ, ăn miếng nhỏ, không nói chuyện, chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Uống nhiều nước lọc, không uống nước lã, không uống nhiều một lúc mà uống từng ít một trong nhiều lần - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, ăn thêm rau. - <b>GD KNS::</b> Làm gì để phòng lây nhiễm dịch bệnh. - Vệ sinh trước khi ăn cơm, sau khi đi vệ sinh, đi vệ sinh đúng nơi đúng chỗ..... - <b>GD KNS: Một số hành vi văn minh trong ăn</b>

	<p><b>uống</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul>
5. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	<p><b>* Một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vệ sinh răng miệng,</li> <li>+ Đeo khẩu trang khi đi học</li> <li>+ Rửa tay sát khuẩn hoặc xà phòng laiboy trước khi vào lớp</li> </ul> <p><b>- KNS: Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau và cách phòng tránh đơn giản.</b></p> <p><b>- KNS: Bé làm gì khi bị đau, chảy máu</b></p> <p><b>- KNS: Nhận biết và cách phòng tránh lây nhiễm một số bệnh đơn giản</b></p>
6. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng</li> <li>- Tự cầm thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không làm đổ thức ăn.</li> <li>- <b>Tổ chức vệ sinh trước, sau giờ ăn</b></li> <li>- <b>Thực hiện các nhiệm vụ trong bữa ăn, tổ chức giấc ngủ: bê, cất ghế; lau, dọn bàn ăn; bê suất ăn; bê, cất giường, gói chăn...</b></li> <li><b>* Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</b></li> <li>+ Mặc trang phục phù hợp với thời tiết để đảm bảo sức khỏe: mặc quần áo thoáng mát về mùa hè đội mũ, mặc áo khoác khi ra nắng; khi trời lạnh mặc áo ấm, đi tất, đi dép, giày khi đi học</li> <li>- Tự thay quần áo khi ướt, bẩn.</li> <li>- <b>GD KNS: Học cách cởi và mặc áo quần; Kỹ năng gấp quần áo</b></li> </ul>
7. Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh đối với đồ vật.	<p><b>* Chơi an toàn với đồ chơi ở trường mầm non</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu</li> <li>- Những hành động không an toàn, sờ ổ điện, leo trèo cầu thang, không xô đẩy bạn, bỏ đồ chơi vật dụng vào tai mũi, hoặc ngậm nuốt đồ chơi...</li> <li>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> </ul> <p><b>* Kỹ năng ở lớp và gia đình:</b> Nhận ra và tránh 1 số vật dụng nguy hiểm, không chơi với vật nguy hiểm, ổ điện (bàn là, bếp, phích nước nóng, biết các vật sắc nhọn không nên nghịch...) khi được nhắc nhở.</p> <p><b>KNS: Phòng tránh điện giật</b></p>
8. Trẻ biết nguy cơ ngộ độc thực phẩm và cách phòng tránh	<p><b>* An toàn thực phẩm:</b> Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không uống rượu bia cà phê, tránh xa</p>

	<p>khối thuốc, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> </ul>
<p>9. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm. Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu; biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc.</p>	<p><b>*Tránh nơi nguy hiểm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được chơi gần hồ ao, ruộng nước, bể nước, giếng, hố vôi,</li> <li>- Biết gọi người lớn khi mình, người khác gặp nguy hiểm</li> <li>- Phân biệt lòng đường, vỉa hè, đường ray... và tham gia giao thông an toàn</li> </ul> <p><b>* Giữ an toàn khi tiếp xúc hoặc lại gần con vật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>KNS: Một số trường hợp khẩn cấp (cháy, bị đau, chảy máu..) và gọi người giúp đỡ</b></li> <li>- <b>KNS: Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy</b></li> <li>- <b>KNS: Bé làm gì khi bị lạc?</b></li> <li>- <b>KNS: Bé phòng tránh đuối nước</b></li> <li>- Trò chuyện và hỏi bé thường xuyên về số điện thoại của bố hoặc mẹ.</li> <li>- <b>KNS: Nhận biết các số điện thoại khẩn: 111, 113, 114, 115</b></li> <li>- Kỹ năng: Chờ người giúp đỡ khi bị lạc nói được tên địa chỉ gia đình số điện thoại người thân khi cần thiết.</li> <li>- <b>KNS: Không nhận quà và đi theo người lạ</b></li> </ul>
<b>b. Phát triển vận động</b>	
<p>10. Trẻ thực hiện được đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hô hấp: Hít vào, thở ra.</b></li> <li>- <b>Tay:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).</li> <li>+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).</li> </ul> </li> <li>- <b>Lưng, bụng, lườn:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.</li> <li>+ Quay sang trái, sang phải.</li> <li>+ Nghiêng người sang trái, sang phải.</li> </ul> </li> <li>- <b>Chân:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhún chân.</li> <li>+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.</li> <li>+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.</li> </ul> </li> </ul>
<p>11. Trẻ kiểm soát được vận động : Đi, chạy</p>	<p><b>* Đi và chạy:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi.</li> <li>- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi theo đường đích zắc( đổi hướng) theo vật chuẩn.</li> <li>- Chạy theo đường đích zắc( đổi hướng) theo vật chuẩn.</li> <li>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát</li> <li>- Đi dòn bước trên ghế thể dục</li> <li>- Đi nhanh, đi chậm</li> <li>- Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn</li> <li>- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</li> <li>- Chạy chậm 60-80m</li> </ul>
12. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Bước, đi ;	<p><b>* Bước, đi :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đi trên ghế thể dục</li> <li>- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn</li> <li>- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m</li> </ul>
13. Trẻ có các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động: Bật nhảy, bò, trườn, trèo	<p><b>* Bật, nhảy:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Bật liên tục về phía trước.</li> <li>+Bật xa 35 – 40cm.</li> <li>+Bật sâu 30 - 35 cm</li> <li>+Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35cm).</li> <li>+Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</li> <li>+Bật qua vật cản cao 10 – 15cm.</li> <li>+Nhảy lò cò 3m.</li> </ul> <p><b>* Bò, trườn, trèo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.</li> <li>+ Bò đích dắc qua 5 điểm.</li> <li>+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</li> <li>+ Trườn theo hướng thẳng.</li> <li>+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</li> <li>+ Trèo lên, xuống 5 gióng thang.</li> </ul>
14. Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động : tung, ném, bắt, chuyền.	<p><b>* Tung, ném, bắt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>+ Tung bắt bóng với người đối diện.</li> <li>+ Đập và bắt bóng tại chỗ.</li> <li>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</li> <li>- Ném trúng đích thẳng đứng (bằng 1 tay - Xa 1,5mx cao 1,2m)</li> <li>- Ném trúng đích nằm ngang (bằng 1 tay , xa 1,2m- 1,4m)</li> <li>- Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân.</li> </ul>

15. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chạy liên tục 15 m theo hướng thẳng, chuyển bóng</li> <li>+ Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m), bật qua vật cản</li> <li>+ Bò trong đường dích dắc (3-4 điểm cách nhau 2m, không lệch ra ngoài), kẹp bóng di chuyển</li> </ul>
. 16. Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...</li> <li>- Gập giấy.</li> <li>- Lắp ghép hình.</li> <li>- Xé, cắt đường thẳng.</li> <li>- Tô, vẽ hình người, nhà, cây</li> <li>- Cắt thành thạo theo đường thẳng</li> <li>- Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối</li> <li>- Biết tết sợi đôi</li> <li>- Tự cài, cởi cúc, buộc giày giầy</li> <li>- Cuộn- xoay tròn cổ tay</li> <li>- Gập, mở các ngón tay</li> </ul>
<b>2. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức</b>	
<b>a, Khám phá khoa học</b>	
17. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh và nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	<p><b>* Quan tâm đến những thay đổi của sự vật và hiện tượng</b> xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: “ Vì sao cây lại héo?, “ Vì sao lá cây bị ướn? tại sao bạn không đi học..... dép để là gì? Tại sao phải đội mũ khi đi ra nắng .....</p> <p><b>* Làm thử nghiệm</b> và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát ,so sánh dự đoán. Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pha màu /đường/muối vào nước,dự đoán,quan sát so sánh.</li> <li>- Quá trình phát triển của cây</li> <li>- Pha màu nước, nước bay hơi, một vài chất tan trong nước</li> <li>- Thổi bong bóng xà phòng.</li> <li>- Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: Gỗ, nhựa, kim loại, i-nốc, sắt, nhôm, vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật chìm nổi, sự hòa tan của đất cát, sự bay hơi của nước, sức gió, nước nóng, nước bốc hơi....</li> </ul> <p><b>* Một số hiện tượng tự nhiên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh</li> </ul>

	<p>hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày và đêm; Mặt trăng và mặt trời</li> <li>- Sự kì diệu của nước.</li> <li>- Bé biết gì về mùa hè</li> <li>- Không khí, các nguồn ánh sáng.</li> <li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li> </ul> <p><b>*Thu thập thông tin</b> về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách tranh ảnh, Nhận xét và trò chuyện thảo luận</p>
18. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp sờ, ngửi, ném ... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<p>Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các giác quan kỳ diệu</li> <li>+ Khám phá cái miệng xinh</li> <li>+ Đôi mắt bé yêu</li> <li>+ Cơ thể bé và các bạn</li> <li>+ Khám phá đôi bàn tay xinh</li> <li>+ Đôi chân thật đáng yêu</li> </ul>
19. Trẻ biết làm thử nghiệm, <i>thí nghiệm Steam</i> và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá trình phát triển của cây</li> <li>- Pha màu nước, nước bay hơi, một vài chất tan trong nước</li> <li>- Thổi bong bóng xà phòng.</li> <li>- Làm thí nghiệm khoa học với một vài chất liệu nổi bật của các đồ dùng, đồ chơi trong gia đình: Gỗ, nhựa, kim loại, i-nốc, sắt, nhôm, vải, ni lông, xem vật nào nổi, vật nào chìm...</li> <li>- Trải nghiệm gieo hạt.</li> <li>- Thí nghiệm chìm và nổi</li> <li>- Thí nghiệm thổi bong bóng...</li> <li>- Thí nghiệm với không khí/ gió/ ánh sáng.</li> <li>- Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh</li> <li>- Thí nghiệm vui với baking soda và dấm</li> <li>- Thí nghiệm cầu vồng xuất hiện</li> <li>- Thí nghiệm Mưa nhân tạo...</li> </ul>
20. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	<p>Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem sách, tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện...</li> <li>- Sưu tầm, làm sách tranh</li> </ul>
21. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	<p>Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.</p> <p>Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p>

<p>22. Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ dùng trong gia đình bé</li> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng ,đồ chơi.</li> <li>- Phân loại đồ dùng đồ chơi 1-2 dấu hiệu</li> </ul>
<p>23. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số PTGT đường bộ.</li> <li>- Một số QĐGT đường bộ.</li> <li>- Một số PT và QĐGT đường thủy,</li> <li>- Một số PT và QĐGT đường hàng không</li> <li>- Thực hành quy định giao thông</li> <li>+ Phân loại một số PTGT theo 1-2 dấu hiệu ( đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng)</li> <li>- <b>GDKNS:</b> Ngồi xe máy . xe đạp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách đội mũ bảo hiểm</li> </ul> </li> <li>- Sẻng vệt nu«i trong gia ®×nh</li> <li>- Sẻng vệt sèng dưới nước</li> <li>- Sẻng vệt sèng trong rũng</li> <li>- Mét sè loại chim vù c«n tring</li> <li>- BÐ y<sup>a</sup>u c©y xanh</li> <li>- BÐ biÕt nhiÒu lo<sup>i</sup> rau.</li> <li>- Những b«ng hoa đẹp</li> <li>- BÐ thÝch nhiÒu lo<sup>i</sup> qu¶</li> <li>+ So sánh sự giống và khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả</li> <li>+ Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu</li> <li>- <b>GDKNS:</b> + Nhật lá vàng rơi <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tập lao động vườn trường, nhổ cỏ, lau lá cây, tưới nước cho cây..</li> <li>+ Dạy trẻ biết bảo vệ môi trường</li> </ul> </li> <li>- <b>Chơi các trò chơi phân nhóm đối tượng</b></li> </ul>
<p>24.Trẻ biết thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng</li> <li>- Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau.</li> <li>- Có những cử chỉ điệu bộ, vận động minh họa / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....</li> </ul>
<p><b>b, Khám Phá Xã hội</b></p>	
<p>25.Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bé tự giới thiệu về mình</li> <li>- Trò chuyện về một số đặc điểm để phân biệt bạn trai, bạn gái</li> <li>- Sinh nhật hồng</li> <li>- BÐ lín l<sup>a</sup>n tống nguy.</li> <li>- Sở thích bạn trai, bạn gái</li> <li>- Các hoạt động vui chơi của bé và các bạn</li> </ul>
<p>26.Trẻ biết được họ tên, một số công việc của bố mẹ, những người thân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình</li> </ul>



<p>trong gia đình và công việc của họ; Nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia đình bé</li> <li>- Một số nhu cầu của gia đình.</li> <li>- Những người thân trong gia đình bé</li> <li>- Nhà bé ở đâu –</li> </ul> <p><b>GDKNS:</b> Không đi theo và nhận quà người lạ</p>
<p>27. Trẻ hiểu biết về trường mầm non, nói được tên và địa chỉ của trường lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường mầm non thân yêu</li> <li>- Lớp mẫu giáo thân thương</li> <li>- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác trong trường</li> <li>- Các hoạt động của trường mầm non</li> <li>- Cô giáo của em</li> <li>- <b>Cô giáo của em</b></li> <li>- Trả lời các thông tin về tên, công việc của cô giáo, bác bảo vệ, cô nuôi, các cô ban giám hiệu... khi được hỏi, trò chuyện.</li> </ul>
<p>28. Trẻ biết được một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương Diễn châu.</p>	<p>* Khám phá một số nghề: tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của nghề nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bé yêu bác nông dân</li> <li>- Chú cảnh sát, công an</li> <li>- Bé thích làm bác sỹ</li> <li>- Cô y tá</li> <li>- Bé thích làm cô giáo</li> <li>- Cháu yêu cô chú công nhân</li> <li>- Nghề dịch vụ</li> <li>- Bé thích làm đẹp</li> </ul> <p><b>* Khám phá các ngành nghề truyền thống của địa phương Diễn châu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghề đánh cá</li> <li>- Nghề làm bánh tráng...</li> <li>- Nghề nuôi tôm</li> <li>- <b>Mời những người làm nghề làm bánh ở địa phương xã Diễn Ngọc về trường trò chuyện với trẻ.</b></li> </ul>
<p>29. Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội, kể tên và nói đặc điểm của lễ hội truyền thống của Diễn Châu, Nghệ An</p>	<p>* Lễ hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày khai giảng năm học mới</li> <li>- Bé vui đón tết trung thu</li> <li>- Ngày vui của bà, của mẹ 20/10</li> <li>- Vui ngày hội cô giáo 20/11</li> <li>- Mồng nguyệt TỐt của chó bé 22/12</li> <li>- Ngày lễ Noel 25/12</li> <li>- Ngày tết và mùa xuân quê em</li> <li>- Lễ hội đèn công</li> <li>- Vui ngày hội 8/3</li> <li>- Mừng sinh nhật Bác 19/5</li> <li>- Các hoạt động chương trình lễ hội: trung thu trong mắt bé; gói bánh chưng, lăn bánh cà ngày Tết cô</li> </ul>

	<p>truyền; làm quà tặng bà và mẹ...</p> <p><b>- Khám phá một số lễ hội truyền thống ở Diên châu, Nghệ an : Lễ hội đèn công; lễ hội đèn sò( ở Thị trấn DC);</b></p>
<p>30. Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương, quê hương, đất nước.</p>	<p>* Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: Tên gọi, đặc điểm, nét đặc trưng của các danh lam, thắng cảnh ở địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biển Diên thành, Lèn hai vai, chùa cổ am, đèn công; Khu du lịch sinh thái Mường Thanh; Hòn nham</li> <li>- Diên châu quê hương em</li> <li>- Biển cửa lò; Đảo ngư; Bãi lữ</li> <li>- Quảng trường Hồ Chí Minh</li> <li>- Quê Bác...</li> </ul> <p>* Khám phá một số danh lam thắng cảnh của Đất nước: Lăng Bác, Tràng An, Ninh Bình, Cố đô Huế, Phong Nha Kẻ bàng...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việt nam quê hương em</li> </ul>
<p>31. Nhận biết một số vùng biển và hải đảo quê hương, đất nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem hình ảnh qua băng đĩa, biển diên thành, biển cửa lò, biển quỳnh lưu, biển nha trang, biển xuân thành, biển đà nẵng</li> <li>- Đảo trường sa, hoàng sa....đảo mắt, đảo ngư.....</li> </ul>
<p><b>c. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán</b></p>	
<p>32. Trẻ nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm đến chữ số , số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi : Bao nhiêu? Là số mấy?</li> <li>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5</li> <li>- Sử dụng các số từ 1-5, để chỉ số lượng, số thứ tự</li> <li>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. ( Số nhà , biển số xe, ....)</li> </ul>
<p>33. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<p>Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10; So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và sử dụng các chữ số 1-5 để chỉ số lượng</li> <li>+ Số 1, 2</li> <li>+ Số 3 tiết 1- tiết 2</li> <li>+ Số 4 tiết 1- tiết 2</li> <li>+ Số 5 tiết 1 - tiết 2</li> </ul> <p><b>Luyện đếm trong các hoạt động ứng dụng Steam</b></p>

34. Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn và nói được kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm</li> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn</li> </ul>
35. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp tương ứng 1-1</li> <li>- Ghép đôi</li> <li>- Sắp xếp theo qui tắc: Tìm quy tắc sắp xếp của các vật dụng hàng ngày, nhận ra qui tắc sắp xếp, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.</li> </ul>
36. Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo</li> <li>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo</li> <li>- Nhận biết mục đích của phép đo</li> <li>- So sánh kích thước, chiều cao, chiều rộng, chiều dài của 2-3 đối tượng</li> <li>- Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm về kích thước.</li> <li>- <b>Đo độ dài các sản phẩm, nguyên liệu trong các hoạt động ứng dụng Steam</b></li> </ul>
37. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...); Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: tròn và tam giác, vuông và chữ nhật</li> <li>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu</li> <li>- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau</li> <li>- <b>Hoạt động ứng dụng steam: Lắp ghép các hình hình học</b></li> </ul>
38. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định phía phải, phía trái của bản thân</li> <li>- Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ</li> <li>- Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ; so với bạn khác</li> </ul>
39. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
<b>3. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ</b>	
<b>a. Nghe và hiểu lời nói</b>	
40. Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	Lắng nghe, hiểu và thực hiện được 2, 3 yêu cầu ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.
41. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, các loại rau, củ, quả, con vật.. và các từ biểu cảm.</li> <li>- Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác</li> </ul>
42. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng,

với người đối thoại.	<p>câu phức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</li> <li>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</li> </ul>
<b>b. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b>	
43. Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các tiếng có chứa âm khó</li> <li>- Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được</li> <li>- Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý câu hỏi</li> <li>- Tốc độ, âm lượng phù hợp với người nghe.</li> </ul>
44. Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	<p>Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>KNS: Học cách chào hỏi thưa gửi lễ phép</b></li> <li>- <b>KNS: Bé làm gì khi được tặng quà</b></li> <li>- <b>KNS: Bé biết nói lời cảm ơn, xin lỗi</b></li> </ul>
45. Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày</li> <li>- Trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào?..</li> </ul>
46. Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết của truyện đã được nghe.</li> <li>- Kể lại các sự việc hiện tượng đã gặp, đã xảy ra.</li> <li>- Kể lại các sự việc theo trình tự thời gian</li> <li>- Phát âm rõ ràng nói đủ câu kể lại trình tự sự việc.</li> <li>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép</li> <li>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào, để làm gì?</li> </ul>
47. Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	<p><b>* TruyÖn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chủ đề trường mầm non:</b> Vì sao bé bìm nín khóc; Món quà của cô giáo (Tú Anh); Ai lớn nhất, ai bé nhất (Trần Thị Hoài); Người bạn tốt (Hoàng Thị Hà); Sự tích chú cuội cung trăng (Truyện cổ tích Việt Nam); Nếu Không đi học (Thu Hằng); Thỏ trắng đi học</li> <li>- <b>Chủ đề trường bản thân:</b> Người bạn tốt (Hoàng Thị Hà), Đôi bạn tốt (Thu Thủy sưu tầm) CỄu bĐ mời dụi (Lê Thu Hương – Lê Thị Đức), GỄu con bP @au r'ng (Lời dịch Tạ Thị Liên), Cái mồm (Phùng Thành Chúng); Đôi dép</li> </ul>

(Trần Thị Châu Mỹ; Cây táo thần (Kim Tuyền)  
Củ cải trắng (Kim Tuyền); Ai biết ăn dè( Phong Thu)

- **Chủ đề gia đình:** Tích chu (Truyện cổ VN),  
Cô bé quàng khăn đỏ (Truyện cổ VN), Đụn  
ngọc trôi (Sưu tầm), Món quà của cô giáo  
(Phỏng theo truyện của Tú Anh) Ngôi nhà ngọt  
ngào, Thỏ dọn nhà; Cháu ngoan của bà (Mai Thị  
Minh Huệ; quà tặng mẹ; Cây Khế (Kim Tuyền);  
Sẻ con đáng yêu (Nguyễn Thanh Trang); Cả nhà  
đều làm việc (Hạ Huyền); Mẹ con linh dương (Vương Trọng)

- **Chủ đề ngành nghề:** Thợ nặn sáo (Theo  
truyện cổ dân tộc Việt), Sứ tỳch quỳ da hươu (Truyện cổ VN).

Niềm vui từ bát canh rau cải (Trần Ngọc Trâm);  
Thần sắt; Người làm vườn và các con trai (Thúy  
toàn dịch), Ba chú lợn nhỏ (Truyện nước ngoài)

- **Chủ đề động vật:** Gấu con ngủ đông; Cáo thỏ và  
gà trống (Thu Thủy); Rùa con tìm nhà; Dê con  
nhanh trí; Mèo lại hoàn mèo; Bác voi tốt bụng (Sưu  
tầm); Có một bầy hươu (sưu tầm); Rùa con tìm nhà, Ba  
con gấu, - Ngựa đá và ngựa (Cao Thị Dung); Hồ và trâu (Truyện cổ dân tộc)

- **Chủ đề thực vật:** Chó con (Viết Linh),  
Niềm vui từ bát canh cải (Trần Ngọc Trâm), Hết sắt (Xuân Quỳnh), Hoa rôm bôt  
(Xuân Quỳnh), Trại cây trong vườn (Thanh  
Hùng), Chuyện của bưởi con (Nguyễn Thế  
Sức) Sự tích cây khoai lang (Truyện cổ tích Việt  
Nam); Bí mật của rừng xanh; Sự tích các loài  
hoa; Sự tích bánh chưng bánh dày; Củ cải trắng;  
Cây rau thỏ út, cây táo thần

- **Chủ đề giao thông:**

Kiến thi an toàn GT (PGD-ĐT Yên Hưng – Yên  
Bi), Xe lu và xe ca (Phong Thu), Kiến con  
«t» (Phạm Mai Chi sưu tầm), Bài học về sự tự  
giác (Sưu tầm) Một chuyến thăm quan (Phạm  
Ngọc Cài); Con yêu mẹ lắm, Qua đường; Khi đi  
mắt để đâu (Phong Thu)

- **Chủ đề Nước hiện tượng tự nhiên:**

Các kiến trôi (Truyện cổ VN), Giặt níc tỳ xứ  
(Nguyễn Linh), Sấm sét và mưa (Nguyễn Ý)

	<p>NguyÔn V`n Th¾ng ), C« m©y ( Nhìc Thñy ), Hả nước vµ m©y ( Su tÇm ), Cầu vòng ( Ph-ng Nhi su tÇm ), - QHĐN- BÁC HỒ: Niềm vui bÊt ngê ( NXB Kim şàng ) ; Sù tÝch con rãng ch, u ti^n (TruyÖn cæ VN ), Thánh gióng ( TruyÖn cæ VN ), Chuyện thàn kỳ của mùa xuân( Vĩnh Tuyên)</p>
48 Bắt chước giọng nói, điệu bộ, mô tả hành động của nhân vật trong tranh.	<p>- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện - Diễn rối <b>Dạy trẻ tham gia đóng kịch</b></p>
49 Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	<p>.- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp với tình huống giao tiếp - Điều chỉnh giọng nói , cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</p>
50. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<p><b>LQVVH:</b> <b>* Thơ:</b> - <b>Chủ đề trường mầm non:</b> Nghe lời c« gi, o ( Nguyễn Văn Chương ), Bàn tay cô giáo( Định Hải ), Bạn mới ( Nguyệt Mai ), Cô giáo của con ( Hà Quang ), Dung dăng dung dẻ (Lương Thị Biền); Bé tới trường (Nguyễn Thanh Sáu); Bập bênh (Lê Thị Hiền); Cô giáo của em (Chu Huy); Tình bạn (Việt Quỳnh); Bạn mới (Thu Hiền); Trăng lười liềm (Nguyễn Hưng Hải); Cô và mẹ ( Trần Quốc Toàn), Tình bạn ( Việt Quỳnh), Lên bốn ( Nhược Thủy) - <b>Chủ đề bản thân:</b> Lời chào ( Phạm Cúc ). ş«i m¾t ( Lê Thị Mỹ Phương ), MiÖng xinh ( Phạm Hồ ), C« d¹y ( Phạm Hồ ), C, i lười( Lê Thị Mỹ Phương ).Tâm sự cái mũi (Lê Thu Hương); Cô dạy (Phạm Hồ); Bé ơi (Phong Thu); Đôi bàn tay nhỏ xinh (Ngô Thị Bích Hiền); Phải là hai tay (Phạm Cúc); Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Rửa tay (Phạm Mai, Đâu( Vũ Duy Chu), Ho ( Thủy Anh) -<b>Chủ đề gia đình:</b> LÊy t`m cho bụ ( Định Hải ), MÑ vµ c« (Trần Quốc Toàn), Lời chào ( Phạm Cúc ), Em yêu nhà em (Đoàn Thị lam Luyến ); Nghe lời c« gi, o ( Nguyễn Văn Chương ), Bàn tay cô giáo( Định Hải ) Thăm nhà bà (Nhu mạo); Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan); Em là cô giáo (Lê Thị Hồng Mai); Mẹ Ôm (ST), Mẹ ôm( Nguyễn</p>

Đình Kiên); Miền vui của mèo con( Lê Mạnh Tiến)

**-Chủ đề ngành nghề:** BĐ lùm bao nhi<sup>u</sup> ngh<sup>o</sup> ( Yên Thao ), lúc m<sup>1</sup> của bĐ ( L<sup>a</sup> Th<sup>p</sup> Hằng Mai ), Lùm b<sub>c</sub> s<sup>ũ</sup> ( Lê Ngân ), ði b<sup>o</sup>a ( Hoàng D<sup>o</sup>n ), Chó gi<sup>o</sup>i ph<sup>ã</sup>ng qu<sup>o</sup>n ( C<sup>ẽ</sup>m Th<sup>1</sup> ) Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa); Đi b<sup>u</sup>a (Hoàng Dân); Chú giải phóng quân (C<sup>ả</sup>m Th<sup>o</sup>); Làm Bác Sĩ (Lê Ngân); Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương); Ước mơ của bé (Lê Thị Hồng Mai) Em vẽ (Hoàng thanh Hà); Kể chuyện cho bé nghe

**- Chủ đề động vật:**

Mười quả trứng tròn; Chuồn chuồn (Phạm H<sup>ổ</sup>); Ong và bướm; Chim chích bông (Nguyễn Việt Bình); Thi chạy (Cao Xuân Thái); Chuồn chuồn (Phạm H<sup>ổ</sup>); Éch học bài (Phạm Thị Lan); Tiếng ve (Chu Huy); Ông chau nhà vịt, Kiến tha m<sup>o</sup>i; chim sáo, Sáo học nói; Chú gà con ( Vương Trọng)...;

**- Chủ đề thực vật:** Hoa k<sup>o</sup>t tr<sup>i</sup> ( Thu H<sup>ạ</sup> ), Hoa <sup>o</sup>uo ( Mai V<sup>1</sup>n H<sup>o</sup>i ), Hoa sen ( Nguyễn Hoàng S<sup>1</sup>n ), T<sup>o</sup>t <sup>o</sup>ang v<sup>u</sup>o nh<sup>u</sup> ( Hằng K<sup>1</sup>n ), B<sup>3</sup>/4p c<sup>o</sup>i xanh ( Ph<sup>1</sup>m H<sup>æ</sup> ), C<sup>o</sup>y th<sup>u</sup>oc đ<sup>u</sup>oc ( Ng<sup>«</sup> Qu<sup>o</sup>n Mi<sup>o</sup>n ), Cây bàng (Xu<sup>o</sup>n Qu<sup>ú</sup>nh ), Hoa Ph<sup>u</sup>ng ( L<sup>a</sup> Huy H<sup>ã</sup> ); Rau lang; rau mu<sup>o</sup>ng Na; D<sup>u</sup>a (Phạm H<sup>ổ</sup>); Bác bầu bác bí; Từ hạt đến hoa (Nguyễn Châu); Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương); Bó hoa tặng cô (Vương Quân Miện); Cây dây leo( Xuân T<sup>u</sup>); Th<sup>i</sup> ( Phạm H<sup>ổ</sup>); Hoa bướm( Nguyễn Đình Kiên).

**- Chủ đề giao thông:** Gióp b<sup>ụ</sup> ( Hoàng Th<sup>p</sup> Ph<sup>o</sup>ng ), ð<sup>u</sup>n ki<sup>o</sup>n n<sup>ã</sup> <sup>o</sup>i ( ð<sup>i</sup>nh H<sup>o</sup>i ), xe c<sup>õ</sup>n c<sup>u</sup>u ( Nguyễn ð<sup>o</sup>c ), ð<sup>l</sup>n xanh, <sup>o</sup>l<sup>n</sup> <sup>o</sup>á ( ð<sup>h</sup>nh H<sup>o</sup>i ), ð<sup>i</sup> ch<sup>1</sup>i ph<sup>è</sup> ( Tr<sup>ç</sup>n Nh<sup>ẽ</sup>t Thu ), D<sup>á</sup>n hoa tặng mẹ ( Kh<sup>o</sup>i Minh ). Con đường của bé (Thanh Thảo); Th<sup>u</sup>yen gi<sup>á</sup>y; Đoàn tàu lăn bánh (Tạ Hữu Yên); Đi chơi phố (Trần Nhật Thu); Tiếng động quanh em; Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Xe c<sup>à</sup>n c<sup>à</sup>u (Nguyễn Đức); Trên chín tầng mây; Đèn giao thông (Thái hà); Bé và mẹ( Lương Thị Xiên)

**- Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:),** B<sup>è</sup>n m<sup>i</sup>a <sup>ẽ</sup> <sup>o</sup>u ( Cao Xu<sup>o</sup>n S<sup>1</sup>n ) Tr<sup>1</sup>ng s<sup>1</sup>ng( nh<sup>i</sup>c th<sup>ỹ</sup>);

	<p>SÊm ( Tróc chi ) ; Giã ( Xu©n quính ) ; Ông mặt trời óng ánh (Ngô Thị Bích Hiền); Trưa hè (Dạ Thảo); Cầu vòng (Phạm HỒ); Nước (Vương Trọng); Mưa (Nguyễn Diệu); Mùa hè của em (Tuyết Hoa); Gió (Xuân Quỳnh); Sấm (Trúc Chi); Mùa hạ tuyết vời ( Phạm Hưng Long)</p> <p>- <b>Chủ đề QHĐN- Bác Hồ:</b> -Hoa quanh lăng Bác(Nguyễn Bao); Em vẽ (Hoàng Thanh Hà); Bác Hồ(Thy Ngọc); Ảnh Bác; Con diều; Buổi sáng quê nội (Nguyễn Lâm Thắng); Sáng tháng năm (Tổ Hữu); Bác thăm nhà cháu (Thái Hòa);- B,c Hả của em ( Phan ThP Thanh Nhun ) ; Em vẽ B,c Hả (Thy Ngạc ) ; Hoa quanh l'ng B,c ( Nguyễn Bao ). Qu<sup>a</sup> em vjing biỐn ( Su tÇm ) ; Ai dậy sớm ( Võ Quãng)</p> <p>* <b>Đóng kịch:</b> Tự chọn,....</p> <p>* <b>Ca dao, đồng dao:</b> Ăn một quả na, Bảy cái xấu, Trời mưa lấm rấm, dựng nhà dựng cửa, câu cá, sên sên sên sên, công rông đi chơi, lười nằm nhịn đói, nu na nu nóng, chông nự chông hoa, đi cầu đi quán, công cha như núi thái sơn, cái bóng là cái bóng bang, Bà công đi chợ trời mưa, gánh gánh gồng gồng, nu na nu nóng, kéo cưa lừa xẻ, dung dăng dung dẻ, bầu ơi thương lấy bí cùng, nhiều điều phủ lấy giá gương, tháp mười đẹp nhất bông sen, đó ai đếm được lá rừng, đường vô xứ nghệ quanh quanh, nhà bè nước chảy chia hai, lúa ngô là cô đậu nành, con mèo mà trèo cây cau, con gà cụ tác lá chanh, rì rà rì rà, con kiến mà leo cành đa, con vỏi con voi, con chim se sẻ, Con chim hay hót, ghé ọ ghé ơ, con cua mà có hai càng, ếch ở dưới ao, , con công hay múa, ông sảo ông sao, chú cuội ngồi gốc cây đa, cày đồng đang buổi ban trưa, tiếng con chim ri, rền rền rành rành, dích dắc dích dắc, một tay đập, mười ngón tay</p>
<b>c. Làm quen với việc đọc viết.</b>	
51. Trẻ biết chọn sách để xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn sách theo chủ đề nào đó khi được yêu cầu</li> <li>- Giữ gìn bảo vệ sách</li> <li>- <b>Tổ chức các hoạt động xem sách, “đọc” sách tại góc sách truyện, tại thư viện chung</b></li> <li>- <b>Tổ chức ngày hội “đọc” sách ( ngày 21/04/2025)</b></li> </ul>
52.Trẻ biết mô tả hành động của các	- Xem sách tranh và mô tả hành động nhân vật



nhân vật trong tranh	trong tranh.
53. Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện, kể lại truyện theo tranh cho bạn, người khác nghe qua lời nói.</li> <li>- Trẻ tự “đọc” đọc sách, đọc truyện qua tranh vẽ theo ý thích ( đọc vệt)</li> <li>- Hướng đọc,viết từ trái sang phải, Từ dòng trên xuống dòng dưới .Đọc ngắt nghỉ sau mỗi dấu chấm.</li> <li>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</li> </ul>
54. Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số kí hiệu thông thường: Không hút thuốc, cấm lửa, nhà vệ sinh trai, gái; lối thoát hiểm, cấm lửa...</li> <li>- Một số kí hiệu, biển báo giao thông: Ngược chiều, biển dành cho người đi bộ, đèn giao thông, biển rẽ phải...</li> </ul>
55. Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	<p>Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tô, đồ các nét chữ</li> <li>- <b>“Viết” kí hiệu cá nhân vào sản phẩm tạo hình, sản phẩm ứng dụng Stem</b></li> <li>- <b>“Viết” kí hiệu vào các sản phẩm: vé tàu, đơn thuốc, thiệp chúc mừng...</b></li> </ul>
<b>4. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ</b>	
56. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
57. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc). <b>Nghe hát và hưởng ứng theo các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- * <b>Nghe hát: :</b></li> <li><b>Chủ đề: Trường mầm non</b></li> <li>- Em lụ b«ng hắng nhá (Trịnh Công Sơn ),C« gi, o( Nhạc: Đỗ Mạnh Thường – Lời: Nguyễn Hữu Tường), c« gi, o miỒn xu«i(Méng LỒn); Đi học ( Bùi Đình Thảo ), ChiỒc ỒIn «ng sao ( Phạm Tuyên ).</li> <li><b>Chủ đề: Bản thân</b></li> <li>- ThỄt Ồ,ng ch<sup>a</sup> ( Theo điệu Bắc kim thang – DC Nam bộ), N`m ngãn tay ngoan(Trần Văn Thụ ), Khóc h,t ru cũa ngêi mỄ trỈ ( Nhạc: Phạm tuyên – Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ ); Sinh nhỄt hắng ( Lê Quốc Thắng</li> <li><b>Chủ đề: Gia đình</b></li> </ul>

- Chở cũ mét tr^n @êi ( Nhạc: Trương Quang Lục- Ý thơ Liên Xô ), Mẹ ơi có biết; Gia đình nhỏ hạnh phúc tôi; Ru em (d©n ca x<sup>a</sup> @ng), Cho con(N: Ph<sup>l</sup>m Trọng cầu, Th-: tuÊn Dòng), Ba ngän nÕn lung linh ( Ngọc Lễ ), Khóc h,t ru cũn ngêi mÑ trÎ ( Nhạc: Phạm Tuyên – Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ ), C« gi, o miÒn xu«i ( Mộng Lân ); Bè lụ tÊt c¶(ThËp NhËt); Chở cũ m«t tr^n @êi( Tr-ng quang Lộc)

**Chủ đề: Ngành nghề**

- Xe chở luân kim ( DC,QH Bắc ninh ) H<sup>l</sup>t g<sup>l</sup>o lụng ta ( Nhạc : Trần Việt Bính – Thơ Trần Đăng Khoa ),Mụu ,o chó bé @éi ( Nguyễn Văn Tý ) , Chú bộ đội đi xa ( Hoàng Vân ); Anh phi c«ng -i (Vò Thanh), Ba em lụ c«ng nh©n l,i xe( TrÇn Xu©n TiÕn)

**Chủ đề: Đông vật**

- Con chim vịnh khuy<sup>a</sup>n ( Hoàng V©n ), Chó Õch con ( Phan Nh©n), ChP ong n©u vù em bĐ ( T©n HuyÒn ),CB l¶ ( DC B<sup>3/4</sup>c bé ), Chim bay ( DC Li<sup>a</sup>n khu 5 ), Lý con s<sub>o</sub> ( DC Nam bé ) §uæi chim.( Nh<sup>l</sup>c ViÖt Anh, Lêi Nhíc Thñy ), LÝ con s<sub>o</sub> sang s«ng( D©n ca Nam Bé); ), LÝ con s<sub>o</sub> sang s«ng( D©n ca Nam Bé; §uæi chim.( Nh<sup>l</sup>c ViÖt Anh, Lêi Nhực Thñy ...

**Chủ đề: TGV – tết và mùa xuân**

- Hoa th-m bướm lân ( DCQH B<sup>3/4</sup>c ninh) , Lý C©y B«ng ( DC Nam bé ), Lý C©y xanh ( DC Nam bé ), C©y tróc xinh ( DCQH B<sup>3/4</sup>c ninh), Em th<sup>a</sup>m mét tuæi ( Tr-ng Quang Lộc , Ngày tết quê em...

**Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông**

- Anh phi c«ng -i( Nh<sup>l</sup>c: Xu©n giao – Th- Xu©n Quính ), Ngòi tựa mạn thuyền ( DCQHBN), C« d<sup>l</sup>y bĐ bụi hác giao th«ng( L©m Träng Têng), Chóng em vúi an toạu giao th«ng( Xu©n Kh, nh).

- Mưa r-i ( DC X<sub>o</sub>, Lý chiỒu chiỒu ( DC Nam bé ), BỈo d<sup>l</sup>t m©y tr«i ( DCQH B<sup>3/4</sup>c ninh ), H<sup>l</sup>t n<sup>3/4</sup>ng h<sup>l</sup>t ma ( §Æng NhËt Mai ), h,t d©n ca tù chän

**Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ**

- Ai y<sup>a</sup>u b,c Hả ChÝ Minh h-n thiỒu ni<sup>a</sup>n nhi @àng ( Phong Nh· ), B,c Hả ngêi cho em tÊt c¶ ( Nh<sup>l</sup>c: Hoàng Long – Hoàng L©n, Th-: Phong

	<p>Thu ) ; ViÖt Nam QH t«i ( §ç NhuËn ), Em ®i trong t-i xanh ( Vò Thanh), Gõ anh mét khóc d©n ca ( DC Nam bé – Lêi D©n HuyÒn ); Emm nh chim c©u tr¾ng( trÇn Ngäc)</p> <p>- Dân ca tự chọn.</p> <p>- <i>Nghe hát một số làn điệu dân ca Nghệ Tĩnh và hưởng ứng cùng cô</i></p>
<p>58. Trẻ thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>	<p>Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe, kể câu chuyện và bộc lộ cảm xúc phù hợp. ( điệu bộ cử chỉ minh họa)</p>
<p>59. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ</p>	<p><b>* Dạy hát ( Vận động) :</b></p> <p>- <b>Chủ đề trường mầm non:</b> Chào hỏi khi về ( nhạc Hàn quốc), Vui đến trường( Tác giả Hồ Bắc), trường chúng cháu là trường MN( Phạm Tuyên), Rước đèn dưới trăng ( Phạm Tuyên ), Em đi mẫu giáo ( Dương Minh Viên ); §<sup>a</sup>m trung thu( Phïng Nh Th<sup>1</sup>ch)</p>
<p>60. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát</p>	<p>- <b>Chủ đề bản thân:</b> C<sub>1</sub>i mời (Nhạc: nước ngoài - Lời Việt: Lêi: Thu Hiền ), §êng vù ch©n( Hoàng Long); Cụng lín cụng ngoan (Đức Bằng), Mõng sinh nhËt ( Nhạc Anh – Lời dịch: Đào Ngọc Dung ), T×m b<sup>1</sup>n th©n ( Nhạc Anh – Lời dịch: Đào Ngọc Dung ), Bạn ở đâu ( Nhạc Pháp – Lời Thu Hiền ), Rửa mặt như mèo ( Hàn Ngọc Bích ), một và đôi ( Cao Thái)</p> <p>- <b>Chủ đề gia đình:</b> Nhụ cña t«i ( Thu Hiền ), Móa cho mÑ xem ( Xuân Giao ), C¶ nhụ th-ng nhau (Phạm văn Minh ),ChiÖc khìn tay ( Văn Tấn ), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Con chim vành khuyên(Hoàng Vân ) C« gi, o ( Nhạc: Đỗ Mạnh Thường – Lời Nguyễn Hữu Tường ).Gia đình nhỏ hạnh phúc to ( Nguyễn Văn Chung), Thiên đàng búp bê ( Lê Đức Hùng) Nhà Minh rất vui( Văn Khoa)</p> <p>- <b>Chủ đề ngành nghề:</b> Ch<sub>1</sub>u y<sup>a</sup>u c« chó c«ng nh©n ( Hoàng văn Yên ), Ch<sub>1</sub>u y<sup>a</sup>u c« thĩ dÖt ( Thu Hiền ),Bác đưa thư vui tÝnh ( Hoàng Lân ), Chó bé ®éi ( Hoàng Hà ), lín l<sup>a</sup>n ch<sub>1</sub>u l<sub>1</sub>i m<sub>1</sub>y cù ( Kim Hữu</p> <p>- <b>Chủ đề động vật:</b> §µn gù con ( Ph<sup>1</sup>m Hæ ), Gù g<sub>1</sub>y le te( DC Cèng khao ), Voi lùm xiÖc ( Nh<sup>1</sup>c Anh – Lêi ViÖt: Phan HiÒn ), C<sub>1</sub> vụng b-i ( Hù H¶i ), ThËt lù hay ( Hoàng L©n ), V× sao con mỗ róa mÆt ( Hoàng Long ), Con chuẩn chuẩn</p>

( Vô §×nh L<sup>a</sup> ), Chó voi con ẽ b¶n ®«n ( Ph<sup>1</sup>m Tuy<sup>a</sup>n), Con chim non ( DC Ph<sub>p</sub> ). Chó khØ con( Bĩ An T«n)

- **Chủ đề thực vật:** H<sub>t</sub> ( VD): Em y<sup>a</sup>u c©y xanh ( Hoạng v<sup>·</sup>n YÕn ), Mụu hoa ( Hạng §'ng ), L<sub>x</sub> xanh ( Th<sub>i</sub> C<sup>¬</sup> ), BÇu vµ bÝ ( Ph<sup>1</sup>m tuy<sup>a</sup>n ), S<sup>3</sup>/<sub>4</sub>p ®Õn tÕt rải ( Hoạng V©n ), Mĩa xu©n ®Õn rải ( Ph<sup>1</sup>m ThP Sõu ) Qu¶¶ ( Xanh xanh ); Cĩng móa h<sub>t</sub> mông xu©n( Hoạng Hµ); Mĩa xu©n ®Õn rải ( Ph<sup>1</sup>m ThP Sõu), Vườn cây của ba ( Phan Nhân), Quả thị ( Thu Bình)

- **Chủ đề giao thông:** B<sub>c</sub> ®ưa thư vui tÝnh (Hoạng L©n), Em ®i ch<sup>¬</sup>i thuyÒn ( TrÇn KiÕt Têng), §êng em ®i ( Nh<sup>1</sup>c: Ng« Quèc ,nh – Lêi Têng V<sup>·</sup>n ), Em ®i qua ng<sup>·</sup> t ®êng phè ( Hoạng V<sup>·</sup>n YÕn), ), Đền đồ ®In xanh ( Nh<sup>1</sup>c: L<sup>¬</sup>ng Vĩnh – Th<sup>¬</sup>: ThÕ Hẻi ), Đi đường em nhớ ( Nguyễn Thị Thanh ), Lá máy bay ( Xuân Giao), ngày vui 8/3( Hoạng v<sup>·</sup>n YÕn

- **Chủ Quê hương đất nước Bác Hồ:** Em m<sup>¬</sup>gÆp B<sub>c</sub> Hả ( Xu©n Giao ); Y<sup>a</sup>u Hµ Néi ( B¶o Tráng ); Nhí <sup>¬</sup>n B<sub>c</sub> (Phan Huính §iÕu ) ; Móa víi b<sup>1</sup>n T©y nguy<sup>a</sup>n ( Ph<sup>1</sup>m Tuy<sup>a</sup>n ), móa ®µn ( §iÕu DC Th<sub>i</sub> – Lêi ViÕt Anh ) ,Quê hương tươi đẹp ( DC Nĩng – Lêi Anh Hoạng ); L<sub>x</sub> cê nhá( ViÕt Ph<sup>¬</sup>ng); XBe hoa(D©n ca Th<sub>i</sub>)

- **Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên:** - Ông mặt trời óng ánh (Ngô Thị Bích Hiền); Trưa hè (Dạ Thảo); Cầu vồng (Phạm Hồ); Nước (Vương Trọng); Mưa (Nguyễn Diệu); Mùa hè của em (Tuyệt Hoa); Gió (Xuân Quỳnh); Sấm (Trúc Chi); Bốn mùa (Cao Xuân Sơn); Mùa hạ tuyệt vời ( Phạm Hưng Long)

- N<sup>3</sup>/<sub>4</sub>ng sấm ( Hµn ngác BÝch ), M©y vµ giã (Minh Qu©n ), §Õm sao ( V<sup>·</sup>n Chung ), Cho t«i ®i lụm ma víi ( Hoạng Hµ ), Mĩa hĩ ®Õn ( NguyÔn ThP Nhung )

\* **Trß ch<sup>¬</sup>i:** TiÕng h<sub>t</sub> ẽ ®©u, Ai đoán giỏi, Giọng hát cao –giọng hát thấp, Đi theo tiếng nhạc. H<sub>y</sub> lụm theo hiÕu lÕnh, Bao nhi<sup>a</sup>u b<sup>1</sup>n h<sub>t</sub> .Nghe tiÕng h<sub>t</sub> t×m ®ả vỄt, ai nhanh nhỄt, Ai ®o<sub>n</sub> giái. H<sub>t</sub> theo h×nh vĩ; Ai nhanh nhất, nghe tiếng hát tìm đồ vật.TiÕng k<sup>a</sup>u cĩa 2 chó mỈo, Chấn bụi h<sub>t</sub> theo h×nh vĩ, Thá nh¶y vµo chuẩng

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếng hát ở đâu, ai nhanh nhất, Tập xing em</li> <li>- Hymn theo hiều lớn, tại ai thính, nghe dân ca đoán tên bài hát.</li> <li>- Thi ai nhanh hơn, nghe nhạc ở n t n bụi hát</li> <li>- Nghe dân ca đoán tên BH, ô số bí ẩn...</li> </ul> <p><b>* Biểu diễn văn nghệ.</b></p>
<p>61. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.</p>	<p><b>Chủ đề: Trường mầm non</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ đồ chơi trong lớp học</li> <li>+ Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường</li> <li>+ Tô màu cô giáo và các bạn</li> <li>+ Vẽ đồ chơi trong lớp học</li> <li>+ Vẽ đêm trăng</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Bản thân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ, tô màu khuôn mặt bạn</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Gia đình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ người thân trong gia đình</li> <li>+ Vẽ tô màu ngôi nhà</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Ngành nghề</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ, tô màu chú công nhân s, t giao thông</li> <li>- Vẽ tranh tô màu chú bé lái</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Động vật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ con bướm</li> <li>+ Vẽ con mèo</li> </ul> <p><b>Chủ đề: TGV - Tết và mùa xuân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ, tô màu cây xanh</li> <li>+ Vẽ, tô màu rau, củ quả bđ thính</li> <li>+ Vẽ vườn hoa mùa xuân</li> <li>+ Vẽ hàng cây</li> <li>+ Xé dán đĩa quả</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ tui hóa</li> <li>+ Vẽ, tô màu ô tô</li> <li>+ Vẽ thuyền buồm</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Nước và HTN</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ chi a c «</li> <li>+ Vẽ tô màu cảnh mùa hè</li> </ul> <p><b>Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ phong cảnh quê hương em</li> <li>- Vẽ thuyền và biển</li> <li>- Vẽ hoa tặng sinh nhật bác</li> <li>- Vẽ lăng bác</li> </ul>
<p>62. Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.</p>	<p><b>Chủ đề: Trường mầm non</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cắt dán hàng rào trường mầm non</li> <li>Làm đèn trung thu</li> </ul>

	<p><b>Chủ đề: Bản thân</b>  + Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc  + Cắt dán đôi tất</p> <p><b>Chủ đề: Gia đình</b>  - Cắt dán ngôi nhà</p> <p><b>Chủ đề: Ngành nghề</b>  - Gấp vụn giấy, dụng cụ phong bì  + Cắt, dán cái thang cho chú công nhân</p> <p><b>Chủ đề: Động vật</b>  + Cắt dán động vật sống dưới nước</p> <p><b>Chủ đề: TGV - Tết và mùa xuân</b>  + Giấy, dụng cụ trang trí Tết  + Cắt dán hoa ngày Tết  + Cắt, dán hoa</p> <p><b>Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông</b>  + Cắt, dán đèn tín hiệu giao thông</p> <p><b>Chủ đề: Nước và HTN</b>  - Giấy, dụng cụ vẽ</p> <p><b>Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ</b>  - Giấy, dụng cụ hoa mồng sinh nhật B, C...  + Cắt và dán cờ tổ quốc</p>
<p>63. Trẻ biết làm lổm, dĩa bột, bẻ lổe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p>	<p><b>Chủ đề: Trường mầm non</b>  + Nặn đồ dùng, đồ chơi</p> <p><b>Chủ đề: Bản thân</b>  + Nặn hình người  + Nặn hình em bé tập thể dục  + Nặn bánh</p> <p><b>Chủ đề: Gia đình</b>  + Nặn một số đồ dùng trong gia đình bé</p> <p><b>Chủ đề: Ngành nghề</b>  + Nặn một số đồ dùng, dụng cụ, sản phẩm một số nghề.</p> <p><b>Chủ đề: Động vật</b>  + Nặn một số con vật bé thích</p> <p><b>Chủ đề: TGV - Tết và mùa xuân</b>  + Nặn hoa, quả  + Nặn củ cà rốt</p> <p><b>Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông</b>  - Nặn phương tiện giao thông</p> <p><b>Chủ đề: Nước và HTN</b>  + Nặn cầu vồng</p> <p><b>Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ</b>  + Nặn một số đặc sản quê hương  + Nặn theo ý thích</p>
<p>64. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng</p>	<p>Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm</p>

<p>xếp hình để tạo ra sản phẩm.</p>	<p>phẩm đơn giản  <b>Chủ đề: Trường mầm non</b>  + Xếp hình đồ dùng, đồ chơi  <b>Chủ đề: Bản thân</b>  + Xếp hình người thân trong gia đình, xếp hình bé trai, bé gái  + Xếp bàn, ghế...  <b>Chủ đề: Gia đình</b>  - Làm bưu thiếp  - Xếp hình ngôi nhà  - Xếp hình khung ảnh gia đình bé ...  <b>Chủ đề: Ngành nghề</b>  - Xếp hình một số đồ dùng, dụng cụ một số nghề bé thích...  <b>Chủ đề: Động vật</b>  - Xếp hình con vật bé thích  - Xếp chuồng động vật  <b>Chủ đề: TGV - Tết và mùa xuân</b>  - Xếp hình bé thích  - Trang trí cành mai, cành đào  <b>Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông</b>  - Xếp hình bánh xe, đèn tín hiệu, biển báo giao thông, xếp hình PTGT bé thích  <b>Chủ đề: Nước và HTTN</b>  - Xếp hình chong chóng  - Xếp hình theo ý thích  <b>Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ</b>  - Xếp hình theo ý thích</p>
<p>65. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.</p>	<p>Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm  - Làm tranh, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề.  - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên (Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu (Len, ống hút...) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô  <b>Chủ đề: Trường mầm non</b>  - Sử dụng các nguyên vật liệu để cắt dán tranh, làm đồ chơi về trường mầm non, làm đèn ông sao...  <b>Chủ đề: Bản thân</b>  - Tạo hình người từ khăn, tạo hình khuôn mặt trên đá, đĩa CD, in bàn tay bàn chân,  Stream: Làm quà tặng bạn  <b>Chủ đề: Gia đình</b>  - Sử dụng các nguyên vật liệu để làm đồ dùng về gia đình, làm nhà, làm người từ rom rạ...</p>

	<p>- Làm quà tặng cô, bà mẹ</p> <p><b>Chủ đề: Ngành nghề</b></p> <p>+ Làm một số đồ dùng, dụng cụ, sản phẩm từ các nguyên liệu</p> <p>+ Làm quà tặng chú bộ đội</p> <p><b>Chủ đề: Động vật</b></p> <p>- Làm con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên, các nguyên vật liệu mở</p> <p><b>Chủ đề: TGTV - Tết và mùa xuân</b></p> <p>-Làm cành hoa mai, hoa đào, làm bánh chưng, bánh tét...</p> <p><b>Chủ đề: Phương tiện và quy định giao thông</b></p> <p>Làm một số PTGT, biển số, biển báo giao thông từ nguyên liệu mở</p> <p><b>Chủ đề: Nước và HTTN</b></p> <p>Tạo hình từ nguyên liệu thiên nhiên : nhuộm sỏi , nhuộm cát , pha màu nước, in màu , làm chong chóng, phao bơi...</p> <p><b>Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ</b></p> <p>Sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra một số đặc sản quê hương , đất nước</p> <p>-Làm quà tặng sinh nhật Bác</p> <p>+ : Làm khung ảnh bác</p> <p>* Tạo hình theo ý thích</p> <p><b>- Thực hiện các hoạt động ứng dụng Steam.</b></p>
66. Trẻ biết nhận xét, nói lên ý tưởng tạo hình của mình , biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình, nói lên ý tưởng tạo hình của mình về màu sắc, hình dáng, đường nét</p> <p>- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình</p>
67. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn, chỉ, sờ... tác phẩm tạo hình
68. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)	<p>- Lựa chọn dụng cụ và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát ,bản nhạc.</p> <p>- Tự sáng tạo, vận động sao cho phù hợp với nhịp điệu âm nhạc</p> <p>- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p>
<b>Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>	
69.Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được
70.Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Tự chọn các loại đồ chơi, trò chơi theo ý thích của mình.



71. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
72. Trẻ biết nhận biết và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. <b>- KNS: Trẻ học cách vượt qua cảm giác tức giận và khó chịu</b>
73. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Xem tranh ảnh, video về Bác - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
74. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường; Không ra khỏi khi không được phép của cô giáo...) <b>- KNS: Những hành vi văn minh nơi công cộng</b>
75. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. <b>- GDKNS: Dạy trẻ phân biệt đúng- sai</b>
76. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác.
77. Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	- Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).
78. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. Không bẻ cành, bứt hoa	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
79. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối <b>- KNS: Bỏ rác đúng nơi quy định</b> <b>- KNS: Bé học cách giữ gìn vệ sinh môi trường</b>
80. Trẻ biết tiết kiệm điện nước	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.
<b>Tin học (Thực hiện trong các lĩnh vực PTNN, PTTM, PTNT)</b>	
81. Tin học: Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM	Thực hiện được một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính để chơi các trò chơi.
<b>Giáo dục tăng cường</b>	
82. Tiếng Anh: (Ngoại ngữ): Nghe	Nghe, nói, đọc, các từ chỉ người, tên gọi đồ vật,

<p>và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình đơn giản bằng tiếng anh.</p>	<p>sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; Nghe số từ 1 đến 10;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình;</li> <li>- Nhắc lại một số câu vắn, câu thơ rất đơn giản, quen thuộc;</li> <li>- Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc;</li> <li>- Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của câu chuyện đã được nghe;</li> <li>- Xem truyện tranh và kể lại một số tình tiết của truyện theo tranh.</li> </ul>
<p>83. Múa, nhảy: Trẻ biết được các động tác múa nhảy, biết phối hợp với các bạn một cách nhịp nhàng để hoàn thành màn biểu diễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhảy erobic</li> <li>- Thực hiện các bài múa trong chương trình múa <i>Các bài học trong chương trình “Múa”: Các thế tay, chân cơ bản; thực hiện được 2-3 bài múa với các bài hát , bài học trong chương trình</i></li> </ul>
<p><b>84.Võ:</b> Trẻ nắm được phương pháp hít thở, vận hông gác chân, các động tác đâm thẳng, đâm lao. đâm móc, đá văng, tấn trung bình, bước nhỏ. Kết hợp chém lồi 1, lồi 2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đấm móc kết hợp phương pháp hít thở.</li> <li>- Luyện đỉnh tấn trái, đỉnh tấn phải.</li> <li>- Bài tập vận hông gác chân</li> <li>- Học chém lồi 1</li> <li>- Tập đá văng chân về phía trước</li> <li>- Chém lồi 1 kết hợp đỉnh tấn, trung bình tấn</li> <li>- Tập chém lồi 2</li> <li>- Luyện đi bước nhỏ tại chỗ</li> <li>- Tập đâm lao</li> <li>- Kết hợp chém lồi 1 và chém lồi 2</li> </ul>